

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH HƯNG
TỈNH LONG AN**

Bản án số: 11/2018/HSST
Ngày 28/9/2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG- TỈNH LONG AN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thiệu.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hồ Thái Bình;
2. Ông Nguyễn Huỳnh Hải.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Lê Trọng Tâm – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên
tòa:* bà Vũ Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Kiểm sát viên dự khuyết: Ông Nguyễn Văn Nam.

Ngày 28/9/2018 hồi 07 giờ 50 phút, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện
Vĩnh Hưng tiến hành mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ
lý số 09/2018/HSST ngày 20/7/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
09/2018/QĐST-HS ngày 21 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Thị Đ sinh năm 1985; Nơi đăng ký HKTT: ấp T, xã H,
huyện V, tỉnh Long An. Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện V, tỉnh Long An; Nghề
nghiệp: Thợ uốn tóc. Dân tộc: Kinh. Quốc tịch: Việt nam. Tôn giáo: Đạo Cao
đài. Trình độ văn hóa: 6/12. Con ông: Lê Văn Th, sinh năm 1964 và bà Trương
Thị B, sinh năm 1964. Có chồng tên Nguyễn Thành T; sinh năm 1982 đã ly hôn
tháng 4/2015; Bị cáo có 02 người con lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh
năm 2008. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 17/3/2018 cho đến ngày 23/3/2018 chuyển
tạm giam cho đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Giáng S, sinh
năm 1991 (có mặt). Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện V, tỉnh Long An.

* Người làm chứng:

1. Nguyễn Văn T sinh năm 1987.
2. Phạm Minh L, sinh năm 1995.
3. Nguyễn Văn Tuấn V, sinh năm 1993.

Cùng địa chỉ: ấp 1, xã H, huyện V, tỉnh Long An.

4. Nguyễn Thanh V1, sinh năm 1970. Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện V, tỉnh Long An.

Các nhân chứng Phạm Minh L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Tuấn V vắng mặt lần 2 không có lý do. Nhân chứng Nguyễn Thanh V1 có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ ngày 17/3/2018 Nguyễn Giáng S sử dụng điện thoại di động của S số 01688444688 điện vào số điện thoại di động 01217106062 của Lê Thị Đ. Sinh hỏi Đ “còn không” thì Đ trả lời “còn”, S nói “lấy cho em một cái ba” tức là S mua một bạch ma túy đá giá 300.000đ. Sau đó S đi một mình đến nhà của Đ ở ấp T, xã H, huyện V, tỉnh Long An, rồi vào trong nhà nói chuyện với Đ trước cửa phòng ngủ. Sau đó S đưa cho Đ 291.000đ (còn thiếu nợ Đ 9.000đ) thì Đ đưa cho S một bạch ma túy đá, S bỏ bạch ma túy đá vào túi quần bên trái phía sau và đi ra cửa nhà Đ thì bị lực lượng Công an huyện Vĩnh Hưng bắt quả tang vào lúc 11 giờ 45 phút ngày 17/3/2018. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An đã tiến hành khám và thu giữ trên người của Nguyễn Giáng S thu giữ: 01 (một) bạch nilon được hàn kín bên trong có chứa tinh thể trong suốt dạng rắn (ký hiệu M1), 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 130 màu đen và 01 (một) điện thoại di động hiệu Meizu màu đen xám. Khám xét trong người và nơi ở của Lê Thị Đ thu giữ 01 bạch Nilon hàn kín bên trong có 10 (mười) bạch nhỏ chứa tinh thể trong suốt dạng rắn (ký hiệu M2), 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu trắng, 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo màu trắng, 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Lê Thị Đ, 01 (một) đoạn ống mủ màu trắng dài 9,5cm và 01 (một) đoạn ống nhựa cứng màu đỏ sọc trắng dài 5,2cm có một đầu nhọn và số tiền 2.051.000đ (trong đó 291.000đ do S trả tiền mua ma túy, 1.760.000đ trong học tử của Đ).

Quá trình điều tra còn xác định Lê Thị Đ còn bán trái phép chất ma túy cho Phạm Minh L, Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn Tuấn V với tổng số tiền 2.400.000đ.

Trong quá trình điều tra, Lê Thị Đ không thừa nhận hành vi mua bán trái phép chất ma túy, kể cả lần bắt quả tang ngày 17/3/2018. Đ chỉ thừa nhận có mua ma túy của một người Campuchia không rõ họ tên, địa chỉ đem về tàng trữ để sử dụng và có cho Nguyễn Giáng S ma túy để S sử dụng. Còn đối với Phạm Minh L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Tuấn V thì bị cáo Đ không thừa nhận có quen biết, nên không có bán ma túy đá cho L, T và V.

Tại biên bản khám xét chỗ ở của Lê Thị Đ hồi 12 giờ 50 phút ngày 17/3/2018 có thu giữ những đồ vật, tài liệu gồm: Số tiền 291.000đ để ở đầu nơi ngủ, 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 màu trắng số IMEI

356986060428174 trong máy có sim số 01217106062; 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo màu trắng số IMEI2: 869770020263669, số IMEI1: 869770020263677 bên trong máy có sim số 01668893377 và 01688444880; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Lê Thị Đ, 01 (một) đoạn ống mủ màu trắng dài 9,5cm và 01 (một) đoạn ống nhựa cứng màu đỏ sọc trắng dài 5,2cm có một đầu nhọn và số tiền 1.760.000đ để ở học tủ nhựa trên cùng trong phòng ngủ.

Tại bản kết luận giám định số 1330/C54B ngày 20/3/2018 của Phân viện KHHS tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

- Gói M₁: Tinh thể trong suốt đựng trong một gói nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,0926gam, loại Methamphetamine.

- Gói M₂: Tinh thể trong suốt đựng trong 10 gói nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 1,2411gam, loại Methamphetamine.

- Gói 1130/M₂: Tinh thể còn lại sau giám định được niêm phong hoàn trả có khối lượng là 0,9446 gam.

Methamphetamine là chất ma túy nằm trong Danh mục II, STT 323, Nghị định 73 ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

Tại biên bản kiểm tra dữ liệu nhật ký điện thoại di động của Lê Thị Đ thể hiện: ĐTDĐ hiệu Iphone 6 màu trắng sim số 01217106062 có Số điện thoại 01688444688 của Nguyễn Gáng S số 01246666770 của Phạm Minh L và số điện thoại 0899766707 của Nguyễn Văn T.

Ngoài ra còn một số điện thoại khác gọi đến số điện thoại của Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Gáng S khai: Vào khoảng 11 giờ ngày 17/3/2018 S dùng điện thoại di động hiệu Nokia 130 màu đen có số thuê bao số 01688444688 điện vào số máy 01217106062 của Lê Thị Đ hỏi mua ma túy đá về để sử dụng. Tôi đến nhà vào trước phòng ngủ của Đ đưa cho Đ số tiền 291.000đ gồm các mệnh giá: 100.000đ là 02 tờ, 20.000đ có 02 tờ, 10.000đ có 04 tờ, 01 tờ 5.000đ và 03 tờ 2.000đ (còn thiếu của Lê Thị Đ 9.000đ). Sau đó Đ đưa cho tôi một bịch ma túy đá khi S vừa đi ra đến cửa nhà của Đ thì bị Công an huyện V bắt quả tang. Ngoài ra S còn mua ma túy của Đ 02 lần: vào khoảng 11 giờ ngày 14/3/2018 S trực tiếp đi đến gặp Đ mua 01 bịch ma túy đá với giá 300.000đ và khoảng 12 giờ ngày 16/3/2018, S trực tiếp đi đến gặp Đ mua 01 bịch ma túy đá với giá 500.000đ đem về sử dụng một mình.

Các nhân chứng Phạm Minh L, Nguyễn Văn Tuấn V, Nguyễn Văn T khai:
+ Vào khoảng tháng 11/2017 Phạm Minh L đi cùng với Nguyễn Văn Tuấn V hùn tiền đi đến nhà của Lê Thị Đ mua 02 lần ma túy mỗi lần 01 (một) bịch với giá 300.000đ, sau khi mua xong L và V đem về cùng nhau sử dụng. Tổng cộng số tiền V và L cùng mua ma túy của Đ là 600.000đ. L sử dụng số điện thoại 01246666770 để liên lạc với Lê Thị Đ.

+ Phạm Minh L đi cùng với Nguyễn Văn T hùn tiền mua ma túy đá của Đ. Trước khi đi T điện thoại cho Đ thì Đ hẹn điểm giao hàng tại đường lộ gần Trường tiểu học K, xã Kh, huyện V, tỉnh Long An. Khi đến nơi L đưa cho Đ

500.000đ thì Đ chỉ vào vỏ bao thuốc dưới mặt đường. L nhặt bao thuốc kiểm tra thì bên trong có ma túy đá, nên L và T đem về cùng sử dụng. Sau đó mua tiếp 02 lần với số tiền mỗi lần 500.000đ (các đợt mua T hùn 300.000đ, L hùn 200.000đ), sau khi mua T và L đem về cùng sử dụng hết. Khoảng tháng 01/2018 T gọi điện vào số máy 01668893377 của Đ hỏi mua 300.000đ ma túy đá thì Đ đồng ý, nên T cùng Phạm Minh L đi đến nhà Đ. T đưa cho Đ 300.000đ và Đ đưa cho T một bịch ma túy đá, sau đó T và L đem về cùng sử dụng chung. Tổng cộng số tiền T và L cùng mua ma túy của Đ là 1.800.000đ. Các lần T dùng số điện thoại 0899766707 để liên lạc với Đ.

Anh Nguyễn Thanh V1 khai: Nhà V1 ở gần nhà của Lê Thị Đ. Nên vào khoảng 11 giờ 40 phút ngày 17/3/2018 anh V1 chứng kiến lực lượng Công an huyện V bắt quả tang Nguyễn Giáng S mua ma túy đá của Đ, thu giữ của S một bịch ma túy đá, thu giữ của Đ 01 bịch ma túy đá giấu ở trong mồm. Ngoài ra còn thu giữ điện thoại di động, tiền và một số đồ dùng khác.

Tại cáo trạng số: 09/QĐ.KSĐT ngày 19/7/2018 của Viện kiểm sát huyện V đã quyết định truy tố bị cáo Lê Thị Đ về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b và c khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng đã truy tố bị cáo Lê Thị Đ và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b và c khoản 2 Điều 251, Điều 38, Điều 50 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Thị Đ từ 10 (mười) năm đến 11 (mười một) năm tù.

Về xử lý vật chứng thu giữ: Đề nghị áp dụng Điều 46 BLHS, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên:

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước tài sản là phương tiện thực hiện hành vi phạm tội gồm:

- + Bị cáo Lê Thị Đ 01 điện thoại Iphone 6 màu trắng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo màu trắng, số tiền thu lợi bất chính 291.000đ. Nguyễn Giáng S 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 130 màu đen.

- Trả cho bị cáo Lê Thị Đ số tiền 1.760.000đ; 01 sim điện thoại số 01688444880 và 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Thị Đ.

- + Tịch thu cho tiêu hủy số tang vật tạm giữ, gồm: các sim số 01217106062, 01668893377 và 01688444688; 01 (một) đoạn ống mủ màu trắng dài 9,5cm; 01 (một) đoạn ống nhựa cứng màu đỏ sọc trắng dài 5,2cm có một đầu nhọn và chất ma túy.

Buộc bị cáo Đ phải nộp 2.400.000đ tiền thu lợi bất chính từ việc bán trái phép chất ma túy cho L và T số tiền 1.800.000đ, L và V số tiền 600.000đ.

Tại phiên tòa: Bị cáo Lê Thị Đ thừa nhận hành vi của bị cáo vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo không thống nhất về tội danh và khung hình phạt mà Viện kiểm sát huyện Vĩnh Hưng đã truy tố. Vì bị cáo cho rằng bị cáo cho rằng hành vi của bị cáo là tàng trữ trái phép chất ma túy.

Lời nói sau cùng bị cáo Lê Thị Đ đã nhận thấy hành vi phạm tội của bị cáo đã vi phạm pháp luật và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có thời gian chăm sóc các con của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào cá tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Vĩnh Hưng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hội đồng xét xử xét lời khai nhận của bị cáo Lê Thị Đ: Tại cơ quan Điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo Lê Thị Đ không thừa nhận hành vi mua bán trái phép chất ma túy mà bị cáo cố tình khai báo quanh co cho rằng bị cáo mua ma túy đá về tàng trữ để sử dụng. Do quen biết với Nguyễn Giáng S nên khoảng 11 giờ 30 phút ngày 17/3/2018 bị cáo cho S 01 bịch ma túy đá để sử dụng và bị lực lượng Công an huyện V bắt quả tang. Xét thấy lời khai của bị cáo Đ không phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ cũng như các chứng cứ đã thẩm vấn tại phiên tòa thể hiện: Lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, các biên bản khám xét, kết luận giám định số 1330/C54B ngày 20/3/2018 của Phân viện KHHS tại Thành phố Hồ Chí Minh, tang vật thu giữ của vụ án, cùng những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ có đủ cơ sở xác định: Ngày 17/3/2018 tại nhà riêng ở ấp T, xã H, huyện V, tỉnh Long An. Công an huyện Vĩnh Hưng đã bắt quả tang bị cáo Lê Thị Đ đã có hành vi mua bán trái phép một bịch ma túy đá có khối lượng 0,0926gam ma túy loại Methamphetamin với giá 300.000đ cho Nguyễn Giáng S (S trả cho Đ 291.000đ còn thiếu Đ 9.000đ). Khám xét trên người Đ còn thu giữ một bịch ma túy đá bên trong gồm 10 bịch nhỏ với khối lượng 1,2411gam ma túy loại Methamphetamin bị cáo ngậm ở trong mồm. Quá trình điều tra còn có chứng cứ xác định ngoài lần bán ma túy trái phép cho Nguyễn Giáng S, Lê Thị Đ còn bán trái phép chất ma túy đá cho nhiều người khác trên địa bàn huyện V để đem về sử dụng. Cụ thể: Vào khoảng tháng 11/2017 Phạm Minh L đi cùng với Nguyễn Văn Tuấn V hùn tiền đi đến nhà của Lê Thị Đ mua 02 lần ma túy mỗi lần 01(một) bịch với giá 300.000đ, sau khi mua xong L và V đem về cùng nhau sử dụng. Phạm Minh L đi cùng với Nguyễn Văn T mua ma túy đá của Đ 04 lần với số tiền 1.800.000đ (số tiền mua 500.000đ là 03 lần, 300.000đ là 01 lần). Do đó Hành vi phạm tội của bị cáo Lê Thị Đ đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b và c khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự. Do vậy, cáo trạng số: 09/QĐ.KSĐT ngày 19/7/2018 của Viện kiểm

sát nhân dân huyện V đã quyết định truy tố bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b và c khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Chính vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận lời bào chữa của bị cáo Đ cho rằng hành vi của bị cáo là tàng trữ trái phép chất ma túy.

Như chúng ta đã biết, ma túy là độc dược gây nghiện cho người sử dụng, những tác hại do ma túy gây ra không chỉ cho chính bản thân người sử dụng mà còn ảnh hưởng đến những người xung quanh nhất là những người thân trong gia đình như: làm hao tổn tiền bạc, tài sản, sức khỏe, tình cảm, là nguyên nhân dẫn đến một số tội phạm như trộm cắp, lừa đảo thậm chí cả tội giết người. Chính vì vậy theo quy định của pháp luật thì Nhà nước độc quyền quản lý đối với ma túy, nghiêm cấm các hoạt động sản xuất, tàng trữ, mua bán, vận chuyển, chiếm đoạt chất ma túy. Bản thân bị cáo Đ nhận thức được các tác hại của ma túy và hành vi trái pháp luật của mình, nhưng để thỏa mãn cơn nghiện và các nhu cầu lợi ích vật chất cá nhân, Đ đã bất chấp pháp luật thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy nhiều lần, cho nhiều người, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt cho bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

[4] Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 điện thoại Iphone 6 màu trắng số IMEI 356986060428174; 01 (một) điện thoại động hiệu Oppo màu trắng số IMEI2: 869770020263669, IMEI1: 869770020263677, số tiền 291.000đ bị cáo đã thu lợi bất chính từ hành vi mua bán ma túy trái pháp luật ma túy cho S và 01(một) điện thoại di động hiệu Nokia 130 màu đen. Xét thấy các vật chứng trên là phương tiện, công cụ thực hiện hành vi phạm tội, nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước là phù hợp với Điều 47 Bộ luật hình sự.

Đối với số tiền 1.760.000đ, 01 sim điện thoại số 01688444880 và 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Thị Đ. Xét thấy các vật chứng trên không liên quan đến việc thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo và bị cáo Đ xin nhận lại số tiền trên, nên giao trả cho bị cáo Lê Thị Đ là phù hợp với khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với chiếc điện thoại di động hiệu Oppo màu trắng số IMEI2: 869770020263669, số IMEI1: 869770020263677 và 01 sim số 01668893377. Bị cáo Đ xin nhận lại vì số điện thoại này bị cáo đã sử dụng trong thời gian dài. Xét lời yêu cầu của bị cáo không phù hợp nên không thể chấp nhận. Vì chiếc điện thoại trên bị cáo đã sử dụng liên lạc để bán ma túy cho S, T, L, V. Do đó tịch thu sung công quỹ nhà nước chiếc điện thoại Oppo là phù hợp với Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với các sim số 01217106062, 01668893377 và 01688444688; 01 (một) đoạn ống mủ màu trắng dài 9,5cm; 01 (một) đoạn ống nhựa cứng màu đỏ sọc trắng dài 5,2cm có một đầu nhọn và toàn bộ số ma túy sau khi gửi cơ quan

chức năng giám định, số còn lại có trọng lượng 0,9446gam để trong 01 bì thư đã niêm phong bên ngoài có chữ ký của giám định viên Hà Thị Phước Hiền, người chứng kiến Hà Chí Công và có dấu niêm phong của Đội 4 phân viện KHHS tại thành phố Hồ Chí Minh. Xét thấy các vật chứng trên cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp với khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Đối với chiếc điện thoại di động hiệu Meizu màu đen xám của Nguyễn Giáng S do Sinh không sử dụng chiếc điện thoại trên vào việc mua ma túy của Đền. Nên cơ quan Điều tra Công an huyện Vĩnh Hưng đã trao trả cho S. Do đó Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[5] Tịch thu sung công quỹ Nhà nước đối với số tiền 2.400.000đ bị cáo thu lợi bất chính từ việc bán trái phép chất ma túy cho L và T số tiền 1.800.000đ, L và V số tiền 600.000đ.

[6] Đối với Nguyễn Giáng S có hành vi mua trái phép chất ma túy của Lê Thị Đ bị bắt quả tang ngày 17/3/2018 nhưng S mua về mục đích là để sử dụng và trọng lượng đều dưới mức quy định nên không có căn cứ xử lý trách nhiệm hình sự đối với S, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã ra quyết định xử phạt hành chính đối S là phù hợp. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Đối với lời khai của những người mua ma túy của Lê Thị Đ, nhưng không có lời khai đối chứng. Khi đối chất bị cáo Đ không thừa nhận mà chỉ có lời khai từ một phía người mua, nên không đủ cơ sở để xem xét trách nhiệm hình sự. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[8] Đối với người bán ma túy cho Đ thì Đ khai một người đàn ông Campuchia không biết họ, tên, địa chỉ, nên chưa có cơ sở để làm rõ. Do vậy Hội đồng xét xử không đề cập đến trong vụ án này.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Trước phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Giáng S không có yêu cầu gì. Nên không đề cập đến.

[10] Về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b và c khoản 2 Điều 251, Điều 38, Điều 50 Bộ luật hình sự; Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự.

[1].*Tuyên bố*: Bị cáo Lê Thị Đ phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị Đ 10 (mười) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/3/2018.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Lê Thị Đ 45 (bốn mươi lăm) ngày để đảm bảo công tác thi hành án.

[2]. *Về vật chứng của vụ án*: Căn cứ Điều 46 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên:

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước các tài sản là phương tiện thực hiện hành vi phạm tội gồm: 01 điện thoại Iphone 6 màu trắng số IMEI 356986060428174; 01 (một) điện thoại động hiệu Oppo màu trắng số IMEI2: 869770020263669, IMEI1: 869770020263677, 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 130 màu đen và số tiền thu lợi bất chính 291.000đ.

- Tịch thu tiêu hủy: Các sim số 01217106062, 01668893377 và 01688444688; 01 (một) đoạn ống mủ màu trắng dài 9,5cm; 01 (một) đoạn ống nhựa cứng màu đỏ sọc trắng dài 5,2cm có một đầu nhọn và toàn bộ số ma túy sau khi gửi cơ quan chức năng giám định, số còn lại có trọng lượng 0,9446gam để trong 01 bì thư đã niêm phong bên ngoài có chữ ký của giám định viên Hà Thị Phước Hiền, người chứng kiến Hà Chí Công và có dấu đỏ niêm phong của Đội 4 phân viện KHHS tại thành phố Hồ Chí Minh gói 1330/M2.

- Giao trả cho bị cáo Lê Thị Đ: Số tiền 1.760.000, 01 sim điện thoại số 01688444880 và 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Thị Đ.

Tiếp tục giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện V tạm giữ 1.760.000đ của bị cáo Đ để đảm bảo thi hành án của bị cáo.

(Tất cả các vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện V đang quản lý).

[3] Buộc bị cáo Lê Thị Đ phải nộp 2.400.000đ tiền thu lợi bất chính xung công quỹ Nhà nước.

[4]. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 23 và mục A danh mục án phí lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Buộc bị cáo Lê Thị Đ phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Báo cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND, VKSND, Sở TP tỉnh Long An;
- VKSND, CA huyện Vĩnh Hưng;
- CCTHADS huyện Vĩnh Hưng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thiệu